

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 17

Địa 11: ĐỊA DO TỰ TẠO THÀNH 2

“Nên phát khởi tinh tấn, Luôn kiên cố dũng mãnh, Thường tu không phóng dật, Năm chi khéo an trụ” Tụng này làm rõ, do mặc Áo giáp phương tiện, tinh tấn không thối lui, nên tu tập năm chi không phóng dật khiến chỗ tu học thanh tịnh thù thắng.

Năm chi không phóng dật: Là Quá khứ, Hiện tại, Vị lai, chỗ tạo tác lúc trước và nẻo hành cùng làm.

“Ăn các thiện của mình, cũng phát lồ các Ác, Được các loại y phục, xấu tốt đều hoan hỷ, Ít theo nơi việc đời, thô xấu cũng tùy chuyển, Nhận công đức Đầu-đà, là lạng lia phiền não”: Hai tụng này hiển thị việc xa lìa quyến thuộc tham dục, không biết đủ, là nhân của Học tịnh, nên các Học được thanh tịnh.

“Phải đầy đủ oai nghi, hợp lượng mà thọ nhận, Trọn không có tạo tác, đối hiện tướng oai nghi”: Tụng này hiển bày về oai nghi đầy đủ, không ở trước kẻ khác đối hiện tướng. Phạm chỗ thọ nhận, đều khéo biết về lượng. Vì có chỗ thọ dụng là để giúp duy trì thọ mạng, là để tu hành phạm hạnh, nên các Học được thanh tịnh.

“Không tự nói đức thật, cũng không khiến người nói, tuy có chỗ mong cầu, mà không hiện tướng lạ, từ biên khác cầu xong, trọn không hành bức bách, Do pháp mà đạt được, Được rồi không khinh chê”: Trong hai Tụng này hiển thị việc xa lìa ngôn thuyết thù dật, đối hiện tướng, hành bức bách. Do các lợi đạt được chuyển biến, chiêu cảm lấy lợi, nên khiến chỗ tu học đạt thanh tịnh thù thắng.

“Không đắm vướng lợi dưỡng, cùng cung kính hiện có, cũng không chấp các kiến, tăng ích và tổn giảm”: Tụng này nêu rõ không tham vướng nơi lợi dưỡng, sự cung kính, không chấp trước năm thứ Ác kiến

nên khiến việc tu học được thanh tịnh thù thắng.

“Không thuận chấp thế gian, văn, chú thuật vô nghĩa, cũng không ưa nuôi chức, y bát nhiều vô nghĩa”: Tụng này hiển thị không chấp trước nơi tà luận của ngoại đạo, là nhân của các Ác kiến, do có thể gây chướng ngại cho việc giải thoát các Thủ uẩn. Chỗ tạo tác, hành xử của những hữu tình như thế gọi là thuận nơi thế gian. Lại cũng xa lìa nhân tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính, nhân thêm lớn y bát v.v... hết thấy đều thanh tịnh, nên các Học được thanh tịnh.

“Sợ các phiền não tăng, Không nhiễm theo việc nhà, Vì tịnh tu Trí tuệ, Nên thân cận Hiền Thánh”: Tụng này làm rõ việc xa lìa nhân của đối tượng cần đối trị, gần gũi nhân của chủ thể đối trị, nên các Học được thanh tịnh.

“Không nuôi chức bạn bè, Sợ buồn lo phát loạn, hay sinh phiền não khổ, Vừa khởi liền xa lìa”: Tụng này hiển bày, nếu gần gũi với đời sống gia đình, sanh buồn lo, tán loạn, thêm lớn các phiền não, có thể làm nhân của các khổ. Do gần gũi với các pháp ấy, có thể sinh cá khổ. Phiền não vừa dấy khởi liền tức diệt trừ. Như thế là đã rõ nhân của sự đối trị.

“Không nhận nơi tín thí, Sợ ung nhọt gia hại, đối chánh pháp Như-lai, Thường không hề buông bỏ”: Tụng này chỉ rõ: Không tham đắm nơi sự cung kính, lợi dưỡng; Không chấp nhận nơi các tà kiến Ác kiến, không thọ dụng của tín thể một cách hư dối, phí phạm, không hủy báng chánh pháp. Cũng có thể xa lìa mọi tham ướng nơi các dục của đời sau, vì có thể sanh khởi nhân của những Ác kiến. Như vậy là các Học được thanh tịnh thù thắng.

“Lỗi, phạm nơi kẻ khác, an vui không gây tạo, luôn tự xét lỗi mình, biết rồi mau bày tỏ”: Tụng này hiển thị việc xa lìa tác ý cầu tìm lỗi lầm hiện có của kẻ khác, nơi phẩm thiện của mình không có tán loạn, luôn sanh hoan hỷ. Đối với lỗi lầm của mình phải nhận biết rõ như thật, phát lồ sám hối dứt trừ, lìa tăng thượng mạn. Do nhân duyên ấy nên các Học được thanh tịnh.

“Nếu phạm điều ngăn cấm, Nếu như pháp xuất ly, nơi sự việc phải làm, phải nỗ lực tự làm”: Tụng này hiển bày nẻo xuất ly đối với chỗ vi phạm, cũng có thể xa lìa tâm tham thọ nhân sự cung phụng, hầu hạ của kẻ khác. Do nhân duyên ấy nên các Học được thanh tịnh.

“Đối với Phật, đê tử, uy đức và ngôn giáo, hết thấy đều trọn nhận, thấy tội lớn không chê”: Tụng này làm rõ về tin tưởng viên mãn, đối với việc thấy tội lớn, có thể sanh phỉ báng, đã không chê bai. Do đấy,

các Học được thanh tịnh.

“Nơi pháp cực thâm diệu, xứ không thể xét lường, Hay bỏ tông thầy cũ, không chấp nhật kiến riêng”: Ở đây, Tụng nêu bày việc xa lìa chỗ trụ chấp nơi kiến thủ của mình, nên các Học được thanh tịnh thù thắng.

“Thường vui sống xa lìa, cũng biên vực ngoại cụ, hằng tu tập pháp thiện, vững tinh tấn dũng mãnh”: Tụng này hiển thị: Hoặc thân hoặc tâm đều xa lìa, các vật dụng ngồi nằm khiến quen gần thuận nơi định, xa lìa hết thấy cá Tâm Tư bất thiện, tu thuần các phép thiện, bạch tịnh, không bị các thứ Tùy phiền não như Hôn trầm, trạo cử che ngăn, nhiễu động, nên có thể viên mãn các gia hạnh chân chánh, do đầy phương tiện của Tâm học tăng thượng đạt thù thắng.

“Không có dục, sanh dục, chẳng ghét bỏ, ghét bỏ, lìa ngủ nghỉ, ngủ nghỉ, lúc không trụ tịnh tĩnh. Bỏ ố tác, ố tác, Không mong lo, mong lo, hết thấy loại, mọi thời, Thành tựu chánh phương tiện”: Trong hai Tụng này chỉ rõ: Nên xa lìa năm thứ ngăn che (cái): Tham dục, Sân hận, Hôn trầm, Thùy miên, Trạo cử, Ố tác và Nghi. Đối với các pháp thiện sanh khởi mong muốn, ở trong các dục nên hết sức chán ghét. Vì tu tập gia hạnh nơi phương tiện của phẩm thiện, luôn có sự nhận giữ và tâm an tĩnh. Nếu ở mọi thời gian quen với ngủ nghỉ, khiến tâm chìm đắm, hoặc lo nghĩ khiến chúng sanh khởi. Ở nơi tướng tịnh diệu tác ý tư duy, cùng khi du hóa, không trụ nơi tịnh tĩnh. Đối chỗ trái phạm trước đều sanh buồn lo, hối hận. Nơi chỗ không trái phạm thì không buồn lo hối hận, càng về sau càng sanh mong cầu thù thắng, theo chánh phương tiện ân cần không gián đoạn, nên Tâm học tăng thượng chuyển đạt thanh tịnh.

“Dẫn phát cùng giác ngộ, hòa hợp mọi chỗ kết, Có tướng hoặc thân gần, cũng nhiều loại hỷ lạc. Xâm bức, thật gần gũi, gọi phân biệt hư vọng, hay sanh nơi dục tham, bậc Trí nên xa lìa”: Nơi hai Tụng này hiển thị tám loại phân biệt hư vọng, có thể sanh tham ái hiện có của dâm dục, từ phương tiện đầu của thứ lớp sanh khởi, cho đến cứu cánh. Do xa lìa nên các chỗ tu học được thanh tịnh thù thắng.

- Phân biệt dẫn phát: Đó là phân biệt hiện có, đối với các sự việc khả ái, có thể dẫn phát Tâm tương ứng với tư duy không chân chính.

- Phân biệt giác ngộ: Đó là ở trong các sự việc đáng yêu thích kia phân biệt tương ứng với sự giác ngộ về chỗ trói buộc với tham.

- Phân biệt hòa hợp mọi chỗ kết: Là phân biệt hiện có trong các sự việc khả ái kia.

- Phân biệt có tướng: Đó là phân biệt hiện có ở trong các sự việc

đáng yêu thích chấp giữ vô số tướng trạng tịnh diệu.

- Phân biệt thân gần: Là phân biệt hiện có, ở trong sự việc yêu thích đã đạt được tương ứng với những nỗ lực dũng mãnh.

- Phân biệt hỷ lạc: Đó là phân biệt hiện có, ở trong các sự việc đã đạt được, có vô số thọ dụng, có vô số nẻo mong cầu, mền mọt, yêu thích chuyển biến.

- Phân biệt xâm bức: Là phân biệt hiện có lúc hai căn gặp gỡ.

- Phân biệt thật gần gũi: Đó là phân biệt hiện có khi chất bất tịnh xuất ra.

“Các dục khiến không đầy, mọi người chỗ cùng có, là nhân duyên phi pháp, hay tăng trưởng tham ái. Chốn Hiền Thánh nên lìa, mau hướng đến hoại diệt, nương nhờ nơi các duyên, nơi nguy lỗi dựa cậy”: Trong hai Tụng này chỉ rõ về tám thứ lỗi lầm của các dục, nơi hiện pháp và hậu pháp heo chỗ ứng hợp của chúng. Nếu có thể quán thấy, tức là đoạn trừ phương tiện của dục ái.

“Các dục như xương khô, cũng như cục thịt mềm, tương tự bó đuốc cỏ, giống như hầm lửa lớn. Ví như măng xà độc, cũng như thấy trong mộng, như mượn vật trang sức, như ngọn cây quả chín. Biết các dục như vậy, Đều không nên say đắm”: Ở đây đã nêu dẫn rộng, như trước đã nói về. “Các dục khiến không đầy v.v...”.

Tám thứ lỗi lầm ở trong các dục, hết thấy thế gian đều tạo thành thí dụ, để hiển thị các lỗi lầm sâu nặng của các dục.

Nhằm làm rõ, ở trong các dục có đủ những thứ lỗi lầm tai họa như thế, rõ ràng có thể nhận biết, vậy bậc Trí đối với chúng sao có thể say đắm?

Lại, các dục ấy như xương khô, nên khiến không no đủ. Vì như cục thịt, nên mọi người cùng có. Giống như bó đuốc cỏ vì đang dấy khởi sự thiêu đốt, náo hại cùng cực nơi hiện tiền, nên là nhân duyên phi pháp. Như hầm lửa lớn phát sanh khát ái nên thêm lớn tham dục. Như rắn độc dữ nên Hiền Thánh xa lìa. Như điều thấy trong mộng nên mau hướng tới hoại diệt. Cũng như các vật trang sức vay mượn, nên nương dựa vào các duyên. Giống như quả chín rụng nơi ngọn cây, nên là nơi chốn nương dựa của nguy vong, phóng dật.

“Nên lắng nghe chánh pháp, Thường tư duy, tụ tập, Trước quán thấy thô tịnh, Kế toàn bộ tu hành. Bỏ phiền não thô trọng, Sanh vui thích nơi đoạn. Quan sát nơi các tướng, Được gia hạnh rất ráo, Hay lìa dục cõi dục, Chứng Niết bàn hiện pháp, Và đoạn tận dư y”: ở đây hiển thị: Do bảy loại Tác ý như Rõ tướng v.v... nên đạo thế gian xuất thế gian

đều thanh tịnh, chứng đắc quả là hai loại Niết bàn Hữu hư và Vô hư, Tuệ học tăng thượng hoàn toàn thanh tịnh.

Câu “Lắng nghe chánh pháp, Thường tư duy”: Là nêu bày về Tác ý Rõ tướng.

Câu “Thường tu tập”: nêu bày về Tác ý Thắng giải. Do khởi thắng giải mà tu tập.

Câu “Trước quán thấy thô, tĩnh”: là nêu bày về Tác ý xa lìa.

Câu “Nơi tu tập toàn bộ”: là hiển thị Tác ý gồm thân an lạc.

Câu “Quan sát nơi các tướng”: là hiển thị Tác ý Quan sát.

Câu “Đạt gia hạnh rốt ráo”: Là nêu rõ Tác ý gia hạnh rốt ráo.

Các câu “Hay lìa dục cõi dục ... Lìa hết thấy các dục”: Là chỉ rõ Tác ý quả gia hạnh rốt ráo của thế gian xuất thế gian.

Đã giải thích Già-tha kiến lập nghĩa lý sâu sa nơi Thánh giáo, nay sẽ nêu Già-tha kiến lập nghĩa của thế. Như Tụng nói:

Nơi các thân ngữ ý hiện có

Không làm hết thấy ác thế gian

Do niệm hánh tri lìa các dục

Chớ gần hay dẫn khổ vô nghĩa.

Nơi Tụng này, chỗ gọi là Ác, tức là Hành Ác. Nơi tất cả chủng loại, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn, mọi hành ác hịm có đều không nên làm.

Thế nào là nơi tất cả chủng loại không làm Ác? Đó là do thân ngữ ý không tạo các việc Ác.

Thế nào là nơi tất cả các nhân duyên không làm Ác? Đó là các thứ Ác do tham sân si sinh ra, trọn không tạo tác.

Thế nào là nơi tất cả xứ sở không làm Ác? Đó là, nương vào nơi chốn thuộc sự việc Hữu tình và nơi chốn thuộc sự việc phi hữu tình, đều không tạo các việc ác.

Thế nào là do niệm chánh tri xa lìa các dục? Nghĩa là đoạn trừ dục sự và đoạn trừ dục phiền não.

Thế nào là đoạn trừ dục sự? Đó là như có một Hữu tình, ở trong Tỳ-nại-da nơi chánh pháp được chứng đắc của Như-lai, đạt được tin tưởng thanh tịnh, nhận biết rõ đời sống gia đình bức bách, chật hẹp giống như lao ngục nên xét cầu xuất ly, nói rộng cho đến do tâm chánh tín, nên lìa bỏ cuộc sống gia đình, hưởng đến đời sống không gia đình, nhưng đối với dục tham vẫn chưa lìa dứt. Như vậy gọi là đoạn trừ dục sự.

Thế nào là đoạn trừ dục phiền não? Đó là vị ấy đã xuất gia rồi, vì

nhằm khiến cho dục tham được đoạn trừ rất ráo, nên đi đến chốn đồng rộng hoang vắng, chốn núi rừng, sống yên trong biên vực ngoạ cục hiện có, hoặc trụ nơi A-luyện-nhã, cho đến hoặc ở nơi tĩnh thất vắng lặng. Vì đối trị Tham do phân biệt hư vọng mà có, thấu tóm tất cả dục phiến não sinh khởi từ nơi các dục sự, nên tu bốn Niệm trụ. Khéo phòng hộ thân, căn, khéo trụ nơi chánh niệm mà đi vào xóm làng. Hoặc lại du hành nơi thôn ấp, đi về, lui tới, tiến dừng, hằng trụ trong chánh tri. Vì dứt bỏ ngủ nghỉ và các sự mệt mỏi, vị ấy tức ở trong bốn Niệm trụ, khéo an định nơi chánh niệm làm chỗ nương dựa. Vì nhằm vĩnh viễn đoạn trừ tùy miên dục tham, nên tu tập đối trị.

Lại, tức dùng sự an trụ trong chánh tri làm chỗ dựa nương, nên xa lìa các thứ ngăn che (cái), thâm tâm thư thái, điều hợp, có thể nhận lãnh, hành trì, phương tiện càng sáng rõ, nơi tịch tĩnh tu đoạn. Vị ấy, do niệm và chánh tri như thế làm chỗ nương tựa, nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ lục phiến não, xa lìa các lục, cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ một. Như vậy, là có thể hoặc biết hoặc đoạn trừ các pháp phạm phu, tánh thấp kém, thô uế nơi biên vực của hành thọ dụng dục lạc.

Những gì gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa ? Đó là như có hữu tình hoặc các sa môn hoặc bà la môn, tự hành khổ hạnh, ở trong hiện pháp dùng vô số các thứ khổ để tự bức bách, tự hành hạ, khiến thân tâm như hoàn toàn bị thiêu đốt, não hại. Tự cho ta nay do khổ nơi hiện pháp bức bách, nên giải thoát khỏi khổ hiện có. Tuy mong cầu việc này, nhưng sự nung đốt, bức bách như thế, rốt cuộc không thể đạt được, lại chiêu tập sự tổn hại lớn, đó gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa.

Các đệ tử của bậc Thánh, ở nơi biên vực thọ dụng khổ hạnh tự tạo như thế, có thể dẫn đến pháp khổ vô nghĩa phi Thánh, khéo nhận biết rõ rồi, thì nên xa lánh, không thân không gần, cũng chẳng thừa sự. Lại nữa, nay sẽ lược biện minh về nghĩa đã nêu trên.

Thế nào là lược biện minh? Đó là các Hữu tình có hai thứ đầy đủ.

1. Sanh tăng thượng đầy đủ.

2. Quyết định thắng đầy đủ.

Sanh tăng thượng đầy đủ: Là đi đến cõi thiện.

Quyết định thắng đầy đủ: Đó là Niết-bàn tịch diệt, ái dứt dục lìa. Ở nơi hai thứ đầy đủ ấy cùng với các thứ chướng ngại, có thể đoạn trừ, có thể chứng đắc. Đó gọi là tóm lược về nghĩa. Nếu ở nơi tất cả chủng loại, tất cả nhân duyên, tất cả xứ sở, không tạo hành ác, thì vị ấy liền có thể đoạn trừ mọi chướng ngại hiện có của sanh tăng thượng đầy đủ,

cũng có thể chứng đắc sanh tăng thượng đầy đủ. Nếu ở nơi hành biên thọ dụng khổ hạnh tự tạo, quyết định xa lìa, thì vị ấy liền có thể đoạn trừ mọi chướng ngại hiện có của quyết định thắng đầy đủ. Nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa ở đây.

Tụng nêu:

*Chúng sanh tưởng nên nói
Dựa nên nói, an trụ
Không biết rõ, nên nói
Mà chiêu tập sanh tử.
Nếu biết rõ nên nói
Nơi người nói không lo
Do không có điều ấy
Kẻ khác không nên bàn
Nếu cho bằng, hơn kém
Bèn dấy khởi tranh luận
Nơi ba thứ không động
Bằng hơn kém đều không.
Đoạn danh sắc ái mạn
Khởi tịch tĩnh không vướng
Đây kia khởi người, trời.*

Trong bốn tụng này: kệ đầu nói “Nên nói”: đó là tất cả pháp Hữu vi. Vì sao? Vì các pháp Hữu vi đều đó là thâu tóm của ba loại ngôn sự. Nay trong nghĩa ấy nói về năm thứ dục thù diệu, cho là “nên nói”. Lại, năm thứ dục thù diệu, các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác, từ bên các vị thế chú, dùng ngôn từ để cầu mong, nên gọi là “nên nói”. Lại, năm thứ dục thù diệu, các bậc quân vương, từ nơi kẻ hầu hạ, dùng ngôn từ gọi bảo mà thọ dụng. Do nhân duyên ấy cũng gọi là “nên nói”.

Lại, những kẻ thọ dục, đối với năm thứ dục thù diệu, không thể tự nhiên khéo nhận biết về lỗi lầm, tai họa của chúng, chỉ trừ chư phật và đệ tử của phật. Vì những kẻ kia, nêu bày lỗi lầm, tai họa của dục, thì họ mới có thể nhận biết rõ, do nhân duyên ấy cũng gọi là “nên nói”.

Các kẻ thọ dục, ở trong các dục, không tư duy chân chánh, mà chấp giữ lấy tướng, cũng chấp giữ các vẽ đẹp theo ý nghĩ của mình đối với chúng liền sanh ái nhiều, thọ dụng đam mê, cho đến chấp chặt.

Lại, đối với các dục, không nhận biết đúng như thật là chúng có các lỗi lầm, tai họa. Đó là các tục là pháp vô thường, hủ giả, trống rỗng không có thật, hư hoại, cũng như sự hiền lừa dối mê hoặc kẻ ngu, rất ít vị ái, nhiều lỗi lầm, tai họa. Cũng không nhận biết đúng như thật về nẻo

xuất ly các dục vốn ít vị ái, nhiều tai họa. Đó là điều phục các dục tham kia. Cho đến vượt khỏi chúng, đó chính là xuất ly. Những kẻ thọ dục đã không thấy lỗi lầm, tai họa như thế, không rõ lẽ xuất ly, mà cứ thọ dụng các dục. Do nhân duyên ấy, nên đối với các hành căn bản hiện có nơi sự sanh thuộc dục giới, dấy khởi sự ưa thích, chấp trước sâu xa.

Lại nữa, đã tạo tác sanh khởi làm nghiệp hiện có căn bản thì thọ sanh nơi dục giới. Sanh rồi chết đi, sanh rồi diệt mất. Như thế nên tụng viết:

*Chúng sanh tưởng nên nói
Dựa nên nói an trụ Không
biết rõ nên nói
Mà chiêu tập sanh tử.*

Nếu được gặp bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp, tác ý như lý, tức ở nơi các dục, nhận biết rõ như thật về lẽ xuất ly các thứ lỗi lầm tai họa. Đó là các dục là vô thường, hư giả, nói rộng cho đến vượt khỏi dục tham. Vị ấy, ở trong tỳ nại da nơi chánh pháp của Như Lai chứng đắc được tin tưởng thanh tịnh, nên đối với các dục thấy biết một cách sâu xa lỗi lầm tai họa của chúng. Lại chuyển biến thêm hơn, bèn có thể lìa bỏ hoặc ít hoặc nhiều tài sản, vật báu, kho tàng, quyến thuộc tùy từng, dùng tâm chánh tín từ bỏ cuộc sống gia đình, hưởng tới cuộc sống không gia đình. Đó là tất cả sanh lão bệnh tử thủy đều vĩnh viễn diệt trừ. Như thế là xuất gia, không có cầu mong, tu hành phạm hạnh. Nếu cho là ta do sự trì giới, tinh tấn tu tập phạm hạnh ấy, nên sẽ được sanh thiên, hoặc thiên xứ khác. Vị ấy, không có các cầu mong tà vạy như thế, nên đối với mình không thấy, không sợ, không lo bị kẻ khác chê trách, luận bàn. Nghĩa là kẻ khác không nên chê bai, luận bàn, oán trách như thế, nói : Này Hiền giả! Ông nay vì sao đang lúc trẻ trung khỏe mạnh, mà xả bỏ những thứ dục lạc thù diệu nơi hiện tại, không theo ý thích, sở nguyện của thân thuộc, lại cầu mong các thứ dục đời thời, dốc tu phạm hạnh ? Vì thế nên tụng viết:

*Nếu biết rõ nên nói
Nơi người nói không lo
Do không có điều ấy
Kẻ khác không nên bàn.*

Đây tức thành tựu thi la thanh tịnh và kiến giải thanh tịnh, vì sao? Vì do kiến giải diệu đảo nên phát khởi mạn. Mạn trước giữ lấy nên cùng dấy khởi tranh luận với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Do nhân duyên ấy nên nói : kiến chấp như thế là căn bản của sự tranh luận. Như có Sa-

môn hoặc Bà-la-môn, dựa nơi kiến chấp căn bản, tranh luận về bằng hơn kém, tâm hiện cao ngạo, vì lý do ấy, nên cùng với các Sa-môn, Bà-la-môn khác lần lượt cùng tranh luận. Nương tựa vào ba thứ Mạn: Ta hơn, Ta bằng, Ta kém, để lập mình là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Nếu các đệ tử bậc Thánh không bị ngã, ngã sở, ngã mạn lay động, cho đến cũng không bị những ý tưởng. Ta sẽ chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không tướng lay động, nhận biết rõ các Hành đều do các duyên sanh. Ở trong các Hành chỉ thấy pháp tánh, hãy còn không đâu mình so sánh với kẻ khác là hơn bằng kém, huống hồ là dấy khởi kiến chấp, kiêu mạn để dẫn phát tranh luận. Chư vị đệ tử Thánh ấy, tuy ở nơi chỗ kẻ khác, luôn hiển dương tông chỉ của mình, hàng phục luận điệu của họ, như đối với các pháp chỉ là pháp tánh duyên nơi từ bi. Điều ấy kìa như thế nào ? Như có hữu tình đối với những diệu nghĩa do Phật nêu giảng, lãnh hội dù chỉ một câu, như vậy như vậy tu hành chân chánh, khiến cho hữu tình ấy, trong đêm dài sanh tử đạt được lợi ích, an lạc lớn lao. Cũng khiến cho Thánh pháp của Như-lai trụ lâu nơi thế gian. Không dựa nơi kiếm mạn, cũng không vì nhân duyên được cung kính, lợi dưỡng mà dấy khởi tranh luận. Như thế là không vì mong cầu các dục thù hạnh như vậy, nên xa lìa nguyện tà cùng các thứ kiến chấp tà vạy, dứt bỏ mọi tham cầu về cung kính, lợi dưỡng, nơi tất cả loại đều được thanh tịnh, uy quang rạng rỡ, không đâu mà tỏ sáng khắp chư thiên, người đời đều chỉ tán dương, không hề luận bàn, chê trách. Lại có thể vượt khỏi sanh lão bệnh tử. Như thế nên tụng viết :

*Nếu chấp bằng hơn kém
Bèn dấy khởi tranh luận
Nơi ba thứ không động
Bằng hơn kém đều không.*

Nói sanh sắc: đó là năm thủ uẩn. Nếu có hữu tình đối nơi năm thủ uẩn ấy, quán xét thấy rõ là thế, sẽ hiện quán về đế. Lúc thấy hết các khổ nơi năm thủ uẩn thì đối với tham ái hiện có năm thủ uẩn, do ý vui thích, đều nói là đã đoạn trừ, không phải là tùy miên. Hữu tình ấy như đạo mình đã đạt được, càng gắng sức tu tập, đối với ngã mạn đoạn dứt trọn vẹn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn trừ hết. Do đã chứng đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát, nên đối với tự thân, các vật dụng của tự thân, mọi thứ trót buộc cùng tùy miên thấy đều đoạn hẳn, lìa Ái, lìa kiêu, bỏ các phóng dật. Vị ấy, do những lìa bỏ như vậy, nên gọi là “khói vắng lặng”, không có thiêu đốt, não hại, cũng không mong cầu.

Thế nào gọi là “Khói vắng lặng” ? Khói gọi là Ái. Vì sao? Ví như

nơi thế gian, khói là tướng ở trước lửa, có thể gây tổn hại cho khăn cần, làm nhiễu loạn, khiến không an trụ. Ái cũng như thế là tướng ở trước tham sâu si, có thể tạo tổn hại cho Tuệ nhãn, nối tiếp làm loạn tâm, nghĩa là hay dẫn phát tâm tư vô nghĩa. Vị đó đối với Ái ấy đã nhận biết, đã đoạn trừ, cho đến khiến chúng nơi đời vị lai thành pháp không sanh, gọi là “khói vắng lặng” lìa mọi vướng mắc như thế, tuy lại tìm cầu các vật dụng duyên của thọ mạng, không phải là không tìm cầu, nhưng có thể giải thoát mọi tìm cầu của tham ái, nên chỗ tìm cầu không cấu nhiễm.

Thế nào là không nào hại? đó là hữu tình kia lúc đang cầu tìm như thế, được kẻ khác tự hành cấp thí, hoặc khuyên người khác bố thí, khi thí thì ân cần tôn trọng chẳng phải là không ân cần tôn trọng, tinh khiết chứ không phải thô xấu, nhiều thứ không phải ít, mau mắn chứ không phải chậm chạp, nhưng không có vị dục ái. Đối với vật nhận được thọ dụng không cấu nhiễm, không sanh tham đắm, tiếc luyến, cho đến chấp chặt. Lúc thọ dụng các vật nuôi sống thân mạng như vậy, không bị phiền não tham lam thiêu đốt, nào hại.

Hoặc vị thí chủ kia, tự mình không thể hành thí, hoặc ngăn kẻ khác hành thí. Nếu như có bố thí thì hiện rõ không ân cần tôn trọng, không phải là hiện bày ân cần tôn trọng, cho đến trì hoãn chứ không mau chóng, tuy nhiên không hiềm khích, ân hận. Do nhân duyên ấy, nên không sanh giận dữ, nào hại. Lại, lúc thọ dụng các vật có được, không lo lắng không nhớ nghĩ, không có tâm tổn hại, tâm sâu hận, như thế là không bị phiền não sâu hận nào hại.

Lại, đối nơi các vật nhận được, hoặc tinh hoặc thô, vào lúc thọ dụng, nhận thấy một cách sâu xa lỗi lầm của chúng, khéo biết rõ nẻo xuất ly, an trụ nơi chánh niệm, xa lìa si ám, như thế không bị phiền não si mê nào hại.

Thế nào là không mong cầu? Mong trông gọi là hy vọng, tâm trói buộc đã hiện hữu. Hữu tình kia không biết xét đoán, ôm lòng tham muốn, đi đến cá nhà thế tục, đó là các danh gia vọng tộc Sát đế lợi, Bà la môn, Trưởng giả, cư sĩ, hy vọng là mình sẽ từ chốn ấy có được những thức ăn uống thích hợp thượng diệu, cho đến các vật dụng nuôi thân như tiền bạc, vật báu, y phục, các thứ món ngon vật lạ, các thứ đồ ngồi nằm, thuốc men trị bệnh ... Tìm cầu và thọ dụng là như thế. Đối với các thứ tài sản vật dụng ấy đều không trông mong. Lại nữa, hữu tình kia luôn an trụ trong “tưởng chết”. Nghĩa là hết đêm đến ngày, hết ngày lại tới đêm, nơi khoảng thời gian đó, vị ấy luôn suy niệm mình có vô lượng trường hợp đưa đến tử vong, như kinh đã nói rộng, đó là như bị trúng

gió, cho đến bị hàng phi nhân khủng bố. Do nhân duyên ấy, nên mọi nẻo tìm cầu, mọi sự thọ dụng, mọi thứ tài sản vật dùng hiện có đối với thọ mạng này cũng đều không trông mong. Như thế là khói vắng lặng không tham vướng, không bị thiêu đốt nào hại, không mong trông. Do đó, ở trong nhân hiện có của các bậc Đế-thích, Đại Tự tại, Thế chủ nơi cõi trời, người đều không thể thấy. Ở trong các thứ nhân quả của cõi trời người cũng không thể thấy.

Lại, nơi thế gian trời người của bốn chân này, nơi thế gian trời người của thế giới này cùng các xứ khác đều không thể thấy. Vì vậy, Tụng nêu:

*Đoạn danh sắc Ái mạn
Khói tịnh tịnh không vướng
Không nào mong chẳng thấy
Cõi Trời, Người đây kia.*

Lại nữa, tụng đầu hiển thị về các dục đời đối với tà hạnh của dục và quả của tà hạnh. Tụng thứ hai nêu rõ việc xả bỏ dục ứng hợp với đạo lý chân chánh, tịnh tu phạm hạnh, những bị luận bàn chê trách là không ứng hợp với đạo lý. Tụng thứ ba cũng như tụng thứ hai. Trong tụng thứ tư, Đức Thế Tôn chỉ rõ về pháp hiện chứng đắc, vĩnh viễn xa lìa mọi thứ thiêu đốt, cho đến bậc Trí tự hứng đắc.

Lại, tụng đầu nêu rõ các dục là tướng nên nói, làm rõ các dục đời thời. Do các dục ấy chẳng phải là lúc vừa cần thì liền được toại ý, mà chính là trước hết phải dùng ngôn từ để nêu bày, sau đấy mới tìm cầu, thọ dụng. Lại làm rõ, đối với các dục kia, do tướng an trụ nơi chỗ không nhận biết rõ, nêu dậy khởi tà hạnh cùng chiêu cảm lấy sinh tử là quả báo của tà hạnh.

Trong tụng thứ hai, hiển bày đối với các dục có thể nhận biết rõ, nên lìa nguyện tà vạy, tu tập phạm hạnh, bỏ mọi tà kiến, lìa ngã mạn là gốc rễ của kiến chấp. Xa lìa mọi tham đắm về lợi dưỡng, cung kính, dứt bỏ các dục, ứng hợp với đạo lý chân chánh. Do nhân duyên này, nếm mọi thứ luận bàn, chê trách, của kẻ khác là không hợp đạo lý.

Lại, làm rõ tánh của các dục là đời thời. Vì sao? Vì nếu ở đời trước không tạo phước đức, thì hiện tại tuy có dụng công, hưng đối với chỗ mong muốn, quả có được không thể toại ý. Hoặc chỉ đời này tạo phước đức, tức nơi thời này, về chỗ mong muốn cũng không xứng hợp. Do nhân duyên ấy, nên phải về sau mới thành tựu đầy đủ. Do đó các dục gọi là đời thời.

Nơi tụng thứ tư hiển thị các phiền não do kiến đạo đoạn đã được

đoạn trừ, tức ở nơi hiện tại chứng đắc bậc Sa môn đầu và Quả Sa-môn. Lại, các phiền não do tu đạo đoạn đã được dứt trừ, tức ở nơi hiện tại chứng đắc bậc Sa-môn sau và quả Sa-môn, đoạn trừ tham ái, dứt hết ngã mạn. Như thế là hiển bày pháp hiện chứng đắc.

Lại lia mọi chấp trước, đạt “khởi vắng lặng”, là hiển thị vĩnh viễn lia bỏ mọi thứ thiêu đốt, cho đến bậc Trí nội tâm tự chứng đạt. Ví ấy, đạt được pháp chứng đắc nơi nội tâm như thế, làm sao khiến kẻ khác có thể nhận biết rõ? Là do chỗ biểu hiện của tướng không còn bị thiêu đốt, não hại, không còn mong cầu.

Ở đây nơi ba Tụng đầu, nêu rõ Đức Thế Tôn vì chư thiên mà nói, các Bí-sô không thể hiển dương đại nghĩa nơi Thánh giáo của Như Lai, chỉ riêng Phật là mới có thể làm được. Lúc nói lời ấy, chúng kia đã lãnh hội, tỏ ngộ, đối với các Bí-sô sanh tâm khi dễ, đối với tự thân, tâm sinh kiêu mạn, những thứ ấy đều được trừ diệt. Trong Tụng thứ tư, hiển bày rộng về đại nghĩa nơi Thánh giáo của Như Lai.

*Bị dục tham che, diệt
 Tâm ta thiêu đốt khắp
 Chỉ Đại Tiên xót thương
 Nói pháp khiến tịnh tịnh.
 Do tướng người điên đảo
 Khiến tâm thiêu đốt khắp
 Vì thế thường xa lìa
 Tướng tịnh diệu dẫn tham.
 Người nên tu bất tịnh
 Luôn định nơi một cảnh
 Khiến lửa tham mau tắt
 Phải nên luôn tưới rưới.
 Quán các Hành không diệu
 Là Khổ, là Vô ngã
 Cũng buộc niệm nơi thân
 Hằng tu tập lìa chán.
 Tu tập nơi vô tướng
 Trừ mạn và Tùy miên
 Do hiện quán nơi Mạn
 Nên chứng biên vực khổ.*

Thế nào là tướng điên đảo? Đó là nơi các cảnh bất tịnh, xả bỏ tướng bất tịnh, tư duy không đúng đắn, giữ lấy tướng tịnh diệu và các vẻ đẹp kèm theo.

Thế nào là xa lìa tướng tịnh diệu dẫn phát tham? Nghĩa là như có một Hữu tình thấy rõ một ít sắc tốt tươi rất đáng yêu thích nơi các khung cảnh chung rồi, liền thân giữ các căn, không niệm theo chúng.

Thế nào là luôn định nơi một cảnh tu tập bất tịnh? Đó là như có một Hữu tình, trước dùng phương tiện thiện xảo, giữ lấy tướng của Tam ma địa hiền thiện. Tức tướng bầm xanh, cho đến tướng xương trắng hoặc xương nát vụn, liền dùng tướng ấy, đối với cảnh giới khả ái hiện đạt được, buộc niệm tư duy, như trước đã giữ lấy, thì sau cũng vậy.

Lại, nơi nội thân, hoặc tự mình, hoặc kẻ khác, quan sát về vô số thứ bất tịnh đầy dẫy. Đó là trong thân này có tóc có móng, cho đến đủ loại bất tịnh về đại tiểu tiện.

Thế nào là quan sát các Hành không tốt đẹp, cho đấy là khổ. Đó là như có một hữu tình, khởi tư duy như vậy: thấy một ít sắc tươi tốt rất đáng yêu thích nơi các khung cảnh chung rồi, tham ái sanh khởi, mong muốn thọ dụng tức là Tập đế, là nhân của các khổ. Do đó nên sanh, sanh rồi thì già chết, sầu than lo khổ, vô số buồn phiền, quấy nhiễu từ đấy phát sinh.

Thế nào là quan sát các Hành không phải là tốt đẹp, cho đó là vô ngã. Nghĩa là như có một hữu tình khởi tư duy: Ở trong thân hình ta, thân hình người nữ đều không có Ngã và Hữu tình v.v... , ai là chủ thể thọ dụng, ai là đối tượng được thọ dụng? Chỉ là các Hành. Chỉ là các pháp tử các duyên sanh.

Thế nào là buộc niệm nơi thân, dốc tu tập chán lìa? Đó là như có một hữu tình tánh thuộc loại dục tham mạnh mẽ, do thuộc loại như thế nên tuy đã thân giữ các căn, nhưng vẫn bị tham dục làm tổn hại tâm ý. Tuy lại tác ý tư duy về bất tịnh, khổ cùng Vô ngã, nhưng cũng bị dục tham làm tổn hại nơi tâm. Do nhân duyên này, hữu tình đó nương nơi bất tịnh, hoặc khổ, Vô ngã, tác ý tư duy, quyền biến tùy thời, chán lìa, hủy hoại, trái ngược không thuận, ở nơi thâm niệm trụ, giữ niệm hiện tiền, thân cận tu tập, hoặc tu tập nhiều. Người ấy, do trụ nhiều nơi Hành như thế nên liền có thể đoạn trừ dục tham mạnh mẽ đó. Nếu thân giữ các căn, không còn bị dục tham làm tổn hại nơi Tâm. Nếu lại tác ý tư duy về bất tịnh, khổ là Vô ngã, cũng không bị tham dục làm tổn hại Tâm ý. Vì ấy, do tu tập Hành như thế, nên mọi trói buộc của dục tham chỉ đoạn nơi hiện hành, không phải đoạn nơi Tùy miên (Chủng tử).

Lại, mọi trói buộc của dục tham này cùng Tùy miên, lược nêu có hai loại. Bồ-đặc-già-la (hữu tình) nối tiếp có thể đạt được: Một là: nơi hành phàm phu, nối tiếp có thể đạt được. Hai là: Nơi hàng hữu học, nối

tiếp có thể đạt được. Tuy trong thân hành hữu học có một phần, cũng không thể đạt được. Nhưng đối với tham bậc dưới, do vĩnh viễn đoạn trừ, nên đã được an ổn. Tham bậc trên chưa đoạn trừ, nên chưa được an ổn. Trong thân bậc Vô học, mọi bậc tham hiện có nơi cỗi diệu, cỗi trung, hãy còn không thể được, hưởng hồ là cỗi kém, do bậc Vô học, tham loại thượng, hạ đều đoạn trừ, nơi tất cả phần đã được an ổn.

Một phần hàng hữu học chỉ nhận biết rõ mà thôi, chưa lìa bỏ tham dục nên đối với bậc Vô học sau tâm sanh mong muốn, vui thích, thấy công đức tịnh tĩn của Bát-niết-bàn, lại không tư duy về hất thấy tướng, luôn chánh tư duy về cảnh giới Vô tướng, nên nơi định vô tướng siêng năng tu học.

Lại ở nơi ấy thường xuyên tu tập, nên vĩnh viễn đoạn trừ ngã mạn do tu đạo đoạn trong ba cõi. Do sự đoạn trừ ấy nên nói là bậc Vô học lìa dục của ba cõi, tham thuộc loại thượng, hạ đoạn trừ rồi, đạt được an ổn, nhân của hết thấy khổ đều lìa bỏ, nên chứng đắc biên vực tận cùng của tất cả các khổ. Vì thế tụng viết:

*Tu tập nơi Vô tướng
Trừ Mạn và Tùy miên
Do hiện quán nơi Mạn
Nên chứng đắc biên vực khổ.*

Lại nữa, nay sẽ lược biện giải về nghĩa đã mới ở trên. Đó là hiển bày tham dục do đầy mà sanh, do đầy tịnh tĩn cùng sự tịnh tĩn kia. Nên biết đó gọi là nghĩa tóm lược trong ấy.

Thế nào là tham dục do đầy mà sanh? Tức là do năm nhân:

*Do tướng tịnh diệu.
Do vui thích an lạc.
Do tướng của Hữu tình.
Do tham mạnh mẽ.*

Do tùy miên còn sót lại chưa dứt hết.

Thế nào là tham dục sanh rồi, do đầy mà tịnh tĩn? Là do năm nhân:

- Do tác ý tư duy về bất tịnh.
- Do tác ý tư duy về khổ.
- Do tác ý tư duy về Vô ngã.
- Do buộc niệm, tu tập nhiều về chan lìa.
- Do Tùy miên đã vĩnh viễn trừ diệt không còn sót.

Thế nào là tịnh tĩn? Nghĩa là tịnh tĩn ấy lược có hai loại:

Tịnh tĩn hiện hành.

Tùy miên được đoạn trừ vĩnh viễn, nên đương lai không sanh khởi.

Do nhân duyên của bốn loại tịnh tĩnh trước, tạo thành tịnh tĩnh thứ nhất. Do nhân duyên của tịnh tĩnh thứ năm, nên loại thứ hai thành tựu.

*Vì sao Bí-sô nhiều chỗ trụ
Vượt năm Bộc lưu sẽ qua sáu
Vị sao bậc định hay độ rộng
Dục ái mà chưa được eo thuyền.
Thân Khinh an, Tâm khéo giải thoát
Vô tác buộc niệm không nghiêng động
Rõ pháp tu tập định không tầm
Giải thoát lỗi phần, Ái, hôn trầm
Bí-sô như vậy nhiều chỗ trụ Vượt
năm Bộc lưu sẽ qua sáu Như vậy
bậc định hay độ rộng
Dục Ái mà chưa được lưng thuyền.*

Kệ tụng này là nhân nơi chỗ thưa hỏi của Thiên nữ.

Bộc lưu (dòng thác) có sáu. Đó là Bộc lưu của mắt có thể thấy Sắc, cho đến Bộc lưu của ý, có thể biết rõ các pháp. Bậc hữu học Kiến Tích, Thánh đệ tử của Phật, nơi mắt tùy thuận hỷ nhận biết về Sắc, không trụ nơi Ái. Nơi mắt tùy thuận ưu nhận thức về Sắc, không trụ nơi Sân. Nơi mắt tùy thuận xả nhận thức về Sắc, luôn luôn xét chọn an trụ nơi Xả. Các thứ phiền não ấy giả như đã sanh, hoặc là trói buộc của dục tham, hoặc trói buộc của sân hận, hoặc trói buộc của ngu si. Ba thân làm duyên, đó là Thân Hỷ, Thân Ưu, Thân Xả, nhưng không chấp chặt, cho đến biến chuyển, thổ lộ. Do nhân duyên này, nên đối với các phiền não trói buộc thuộc nơi ba Thân, không được hiện hành. Khinh an mà trụ. Như vậy gọi là được Thân khinh an, nhưng chưa thể đạt được Tâm khéo giải thoát. Vì tùy miên nơi vị kia chưa được đoạn trừ vĩnh viễn. Vị ấy, về sau lại có thể đoạn trừ vĩnh viễn các tùy miên hệ thuộc mình, tức ở trong các thứ phiền não hệ thuộc nơi tự thân, xa lìa mọi trói buộc, thuận theo. Như vậy mới gọi là ở chỗ tham sân si của ba Thân, Tâm Khéo giải thoát.

Như Mắt nhận biết về Sắc, cho đến Thân nhận biết về Xúc, nên biết cũng vậy. Thế là đã đoạn trừ năm kiết hạ phần, vượt khỏi năm Bộc lưu. Tức là vượt Bộc lưu Mắt có thể nhận biết các Sắc, cho đến vượt khỏi Bộc lưu Thân có nhận biết các Xúc. Vượt qua năm thứ Bộc lưu như thế rồi, thì Bộc lưu thứ sáu còn lại là Ý cũng sẽ vượt qua.

Lại tu tập Vô tác, Vô động buộc niệm. Thế nào là vô tác? Đó là đối với Niết-bàn, sanh tâm mong muốn, vui thích nhưng không bị ngã mạn làm huynh động, không có đối tượng tư duy, cũng không tạo tác. Lại không bị các chấp “Ngã, Ngã sở nơi vị lai sẽ có” cho đến “Ngã sẽ là chẳng phải tướng, chẳng phải là chẳng phải tướng” làm khuynh động, nên cũng không có đối tượng tư duy, không tạo tác.

Thế nào là vô động? Đó là Tâm của vị ấy không bị các kiết thượng phần ràng buộc, nhiễu loạn, không khiến không động, cũng không chuyển đổi. Lại, ở nơi các định tịch tĩnh, không theo một định để sanh vị tham ái, mến mộ, bám chặt.

Thế nào là buộc niệm? Đó là Vị ấy đoạn tuyệt ác kiết thượng phần, đối nơi nội thân an trụ, tuần tự quán thân, như thế cho đến nói rộng về niệm tục. Vị ấy do tu tập vô tác như vậy nên đoạn các Sanh Ái, do tu tập Vô động như thế nên đoạn các Định ái. Ở đây lìa hiện hành, nên gọi là đoạn. Tu tập buộc niệm là tu tập đối trị nên khiến cho các Kiết thượng phần hoàn toàn được dứt trừ không còn sót. Tu tập Vô tác, buộc niệm, không khuynh động như vậy, nên có thể khiến cho hết thảy các Kiết thượng phần đều được đoạn trừ vĩnh viễn, không còn sót, đó gọi là vượt qua Bộc lưu thứ sáu, là Bộc lưu Ý, có thể biết rõ các pháp.

Lại có sai biệt. Thế nào là vô động?

Nói Vô động: Là thiện căn Từ không có tánh sân hận. Do nhân duyên ấy nên các Thánh đệ tử, đối với thân đoạn trừ tà nguyện, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. vị ấy, do tâm Từ nên tu Xa-ma-tha, do niệm trụ nên tu Tỳ-bát-xá-na. Tu hành đúng đắn như vậy, nên có thể thuận theo việc đoạn trừ các Kiết thượng phần, ba tâm tu tập mau được viên mãn. Đó là, đối với Thân nơi cõi trên, tâm không đắm nhiễm. Đối với Hữu tình hạng dưới, tâm không giận dữ. Người không phóng dật, đối nơi cảnh dưới trên dưới, tâm không nhiễm ô. Phần còn lại như trước đã nói. Như thế gọi là vượt khỏi năm Bộc lưu, sẽ vượt qua Bộc lưu thứ sáu.

Thế nào là biết rõ các pháp? Đó là nơi pháp Khổ có thể biết rõ, có thể quán xét. Nơi pháp Tập diệt đạo, có thể biết rõ, có thể quán xét.

Thế nào là tu tập tịnh không tâm? Đó là có thể nhận biết rõ pháp như vậy rồi, lại an trụ trong sự đoạn dứt và từ bỏ các dục được dựa giữ nơi đời sống gia đình. Hoặc ở chốn A-luyện-nhã, hoặc ở nơi vắng lặng bên cội cây, đối với Thân Hỷ hiện có thuận theo Hỷ do mắt nhận biết về Sắc; đối với Thân Ưu hiện có thuận theo Ưu do mắt nhận biết về Sắc; đối với Thân Xả hiện có thuận theo Xả do mắt nhận biết về Sắc, nơi đối tượng duyên ấy, không có sự trói buộc của Tầm dục, tâm an trụ

nhiều, cho đến cũng không có sự trói buộc của tâm tương ứng với đời sống gia đình thế gian sinh ra, tâm an trụ nhiều. Giá như dấy khởi Tâm dục cho đến Tâm tương ứng với đời sống gia đình thế gian. Tức có thể nhận biết rõ như thật về nẻo xuất ly, không bị Tâm dục làm chướng ngại, cho đến cũng không bị tâm tương ứng với đời sống gia đình - thế gia làm chướng ngại, mà có thể dùng Tĩnh lực để suy xét kỹ lưỡng, đúng đắn. Do phương tiện ấy, do tu tập đạo ấy, nên có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân Hỷ nhiễm ái, có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân Ưu giận dữ, có thể đoạn trừ lỗi lầm của thân Xả hôn trầm. Các thứ trói buộc đã đứt, nên thân được khinh an. Tùy miên đã đoạn, nên đối với mọi thứ nhiễm ô của ba thân thuộc cõi dục, Tâm khéo giải thoát. Vị ấy, bấy giờ gọi là đã vượt qua Vùng dục Ái rộng lớn. Đó là Ái lưu hành khắp, từ các sắc cho đến các xúc. Hoặc Ái hòa hợp, hoặc Ái tăng trưởng, hoặc Ái không lìa, hoặc Ái không hợp, hoặc Ái thối giảm, hoặc Ái biệt ly, hoặc Ái nơi cõi dục thọ sanh.

Lại có sai biệt: Thế nào là tu tập định không tâm? Đó là đã đạt được Tĩnh lực không tâm không tứ. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, nay sẽ được biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Tức là Thiên nữ kia đã lược nói Đức Thế Tôn ba thứ nghĩa chính yếu:

Một là: Đoạn trừ Kiết hạ phần.

Hai là: Phương tiện đoạn trừ Kiết thượng phần.

Ba là: Tức phương tiện đoạn trừ Kiết hạ phần và sự khéo đoạn trừ của vị ấy.

Hỏi như thế xong, bấy giờ Đức Thế Tôn, tùy chỗ thích ứng mà giải đáp. Đó là do thân Khinh an, tâm khéo giải thoát, là đáp lại chỗ hỏi về “Đoạn trừ kiết hạ phần”, không phải là phương tiện đoạn. Do vô tác, buộc niệm, không khuynh động, là đáp lại chỗ hỏi về phương tiện đoạn trừ kiết thượng phần, không phải là đoạn. Nhưng Thiên nữ, đối với sự đoạn trừ giống như trước, tức cũng lãnh hội. Chỉ trừ phương tiện đoạn trừ kiết hạ phần cùng sự khéo đoạn trừ của vị ấy.

Lúc này, Đức Thế Tôn trước dùng việc tu tập định không tâm được nói rộng về những sai biệt để đáp về phương tiện đoạn. Đó là như Chủ thể đoạn, Như đoạn, đối tượng đoạn. Trong ấy, biết rõ pháp gọi là Chủ thể đoạn. Tu định không Tâm gọi là Như đoạn. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của phần đó là phẩm sân hận. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của Ái đó là phẩm tham dục. Đối tượng đoạn là lỗi lầm của Hôn trầm, đó là phẩm Ngu si. Như thế gọi là Chủ thể đoạn, Như đoạn, đối tượng đoạn. Đã rộng đáp về phương tiện đoạn như vậy rồi, chỉ còn phần như khéo

đoạn trừ.

Lại do nhân duyên sai biệt của việc tu định không tầm thứ hai để đáp lại phần ấy.

Nói khéo đoạn trừ: Là đoạn trừ rất ráo, đoạn trừ phần xa, đoạn trừ hết thấy tạp nhiễm. Do nhận biết rõ về pháp, nên giải thích đoạn trừ rất ráo. Do tu tập định không tầm, nên giải thích đoạn trừ phần xa. Do triền (trói buộc) cùng tùy miên của Tham Sân Si, tất cả đều được dứt bỏ, nên giải thích phần đoạn trừ hết thấy tạp nhiễm. Nên biết đó gọi là tóm lược nghĩa trong ấy.

Lại, Thiên nữ kia dựa vào các bậc hữu học chưa đạt được Thắng ý, đã lia tham cõi dục, nhưng chưa lia tham cõi trên, để nêu các câu hỏi ý gọi là “Lưng thuyền”, như Kinh nói Hổ thẹn là trục xe, ý là lưng thuyền. Người đối với lưng thuyền ấy vẫn chưa đạt được: kẻ ấy gọi là chưa đạt “Lưng thuyền”. Ở đây những gì gọi là Lưng thuyền? Đó là đối với các Kiết, Tâm khéo giải thoát.

*Thế gian thường có sợ
 Chúng sanh luôn bi bức
 Nơi các khổ chưa sanh
 Hoặc trong khổ đã sanh.
 Như có ít không sợ
 Nay xin vì con nói
 Trời, ta xem giải thoát
 Tinh tấn không lia Trí.
 Không lia, thấu các căn
 Không lia, tất cả Xả
 Con quán rất lâu xa
 Phạm chí Bát Niết bàn
 Đã qua các sợ hãi
 Vượt tham đắm thế gian.*

Nay, trong tụng này, các thân bắt đầu từ cõi dục cho đến cõi hữu Đảnh, đều gọi là Thế gian. Nghĩa ở trong đây, ý tại Thế gian của hữu tình có khổ có vui thuộc cõi dục. Nến những vật dụng được thấu nhận để nuôi dưỡng thân của các hữu tình hoàn toàn không thiếu thốn, thân khỏe mạnh không bệnh tật, tuổi tác chưa già suy, gọi là thế gian của hữu tình có vui. Trái với điều trên, nên biết là Thế gian của hữu tình có khổ. chúng sanh của thế gian đó, phần ít có vui, phần nhiều có khổ. Các cõi thế gian của hữu tình có vui thường mang tâm sợ hãi. Chớ để tài sản, vật báu của mình bị Vua quan chiếm đoạt, nói rộng cho đến, chớ để

cho duyên này mà gặp phải các khổ nạn. Chớ để, hoặc phong nhiệt bên trong phát động, cho tới hoặc người, hoặc hành phi nhân xâm hại đến tánh mạng mình chẳng. Như thế nỗi lo sợ về cái khổ tài sản, báu vật bị biến hoại trong vị lai cùng cái khổ thân hoại khiến tâm luôn sợ hãi. Các cõi thế gian của hữu tình có khổ, thân tâm hiện bị các thứ khổ bức bách nên có đủ khổ, lo, sầu, tên nhọn, có các thứ nhiễu động luôn không an trụ. Do đấy nên kệ viết:

*Thế gian thường có sợ
 Chúng sanh luôn bị bức
 Nơi các khổ chưa sanh
 Hoặc trong khổ đã sanh.*

Vì nhân duyên ấy, vị trời kia hiện thấy cái vui nơi các cõi thế gian của hữu tình có vui là không chắc chắn nên thưa hỏi đức Như Lai về nơi chốn có cái vui chắc chắn, không sợ hãi. Bấy giờ Đức Thế Tôn tức vì vị Trời kia tạo phương tiện chỉ rõ: chỉ trong Thánh giáo mới có nơi chốn như vậy, chẳng phải là các ngoại đạo. Đó là như hiện có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn trụ ngoài chánh pháp, ở trong hiện pháp cùng các lỗi lầm, tai họa của các dục nơi đời vị lai không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết nên mong cầu các dục sai biệt nơi vị lai, bỏ dục của hiện pháp cầu dục của hậu pháp, tinh tấn thọ học giới cấm hiện có, tuy lại an trụ nơi giới cấm như thế, nhưng không trí tuệ, không hộ trì căn môn, không giữ lấy chánh niệm, không luôn gắn bó với niệm, cho đến nói rộng. Kẻ ấy không điều phục thân giữ các căn môn, nên đối với những thứ lợi dưỡng và cung kính nhỏ ít do người khác ban cho, hãy còn sanh vị tham ái, theo đấy khởi luyến mộ vướng chấp hưởng hồ là những lợi dưỡng, cung kính lớn lao khác. Kẻ tinh tấn thọ giới cấm như thế, xa lìa trí tuệ, hộ trì nghiêm ngặt căn môn, đối với dục của hiện pháp hãy còn không thể đoạn trừ, hưởng chi là dục của hậu pháp.

Lại tức ở nơi kia, có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với những lỗi lầm tai họa của dục, chỉ nhận biết rõ phân thô, nên có thể vượt qua các dục của hiện pháp và hậu pháp, nhưng lại vui cầu cảnh giới lìa dục trên, đối với phi giải thoát đấy khởi tưởng giải thoát, tức thì xa lìa đoạn bỏ các dục. Kẻ ấy do tinh tấn, luôn tu tập nhiều chánh tư duy nên lìa dục nơi cõi dục, cho đến lìa dục nơi cõi Vô Sở Hữu Xứ. Vì nhân duyên này, nên xả bỏ tự Thế cõi dưới, yêu thích tự Thế cõi trên. Do sự yêu thích đó, nên về đời vị lai đối với tự Thế cõi dưới hãy còn không giải thoát, hưởng hồ là cõi trên. Kẻ từ bỏ tài sản, vật báu, Tự Thế mê lầm lạc đường, tuy được an trụ nơi tinh tấn dũng mãnh, nhưng không thể

đạt được nơi chốn hoàn toàn an lạc, không có sợ hãi. Vì sao? Vì các Sư ngoại đạo kia, đối với nơi chốn ấy hãy còn không thấy không biết, huống hồ là có thể vì các đệ tử của họ, khai thị quảng diễn. Các Sư và đệ tử của ngoại đạo như thế, trong việc tạo luận, đã nhất định cho không có biên vực của các khổ. Trái với luận điểm ấy là trong Tỳ-nại-da của chánh pháp khéo giảng nói, nên biết là gồm đủ hết thấy nghĩa lợi, cho đến nhất định có biên vực của các khổ.

Dựa nơi mật ý ấy, đức Phật vì vị trời kia mà nói, như kệ nêu:

*Trời, Ta xem giải thoát Tinh tấn không
là Trí Không là thâm các căn Không là
xả tất cả.*

Lại nữa, nay sẽ lược biện biệt về nghĩa đã nói ở trên. Đó là nhằm hiển thị trong Tỳ-nại-da của tà pháp ác thuyết, các sư và đệ tử đều có suy tổn. Trong Tỳ-nại-da của chánh pháp khéo giảng nói, đều có đủ an lành. Đối với tất cả khổ có thể chứng đắc biên vực tận cùng. Nên biết đó gọi là tóm lược về nghĩa trong ấy.

Bấy giờ, vị trời kia nghe đức Phật Thế Tôn giải đáp các điều mình thưa hỏi, nên hoan hỷ hết mực, liền dùng bốn thứ công đức vô thượng để tán thán Như Lai. Đó là Đức Phật Thế Tôn khó xuất hiện ở đời, đã xuất hiện rồi thì có thể thành tựu hành lợi tha, nên cũng có thể kiến lập đức tự lợi, đối với lợi tự tha, tâm luôn lià nhiễm.

*Con quán rất lâu xa Phạm chí Bát Niết
bàn.*

Đây là tán thán đức khó xuất hiện ở đời của Đức Thế Tôn.

“Đã vượt qua các oán”: Đây là tán thán về đức hành lợi tha của Đức Thế Tôn.
“Đã qua các sợ hãi”: Đây là tán thán về đức tự lợi của Đức Thế Tôn.

Vượt tham dục thế gian: Đây là tán thán về đức, đối với lợi tự tha, lià cấu nhiễm của Đức Thế Tôn. Nên biết bốn thứ công đức có sai biệt như thế.

Lại có ba thứ sai biệt: Đó là khó xuất hiện, khó có thể gặp, kiến lập hành tự lợi lợi tha.

Người gặp tức có thể thành tựu nghĩa lớn. Người thành tựu nghĩa lớn là lià tâm nhiễm ô, nên khắp tất cả đời cũng không có các tội. Các đức như vậy nơi chư Phật Thế Tôn là hết sức thù thắng nên dùng tướng ấy để tán thán Như Lai.